

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 32/2020/TT-BGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2020

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt và Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt và Thông tư số 31/2018/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi tắt là Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT) như sau:

1. Khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Việc kiểm tra sản xuất, lắp ráp được thực hiện đối với: đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng đường sắt, tổng thành, thiết bị, linh kiện sản xuất, lắp ráp mới trên đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng.”

2. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Kiểm tra nhập khẩu

1. Việc kiểm tra nhập khẩu được thực hiện đối với:

a) Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng nhập khẩu mới, nhập khẩu đã qua sử dụng chạy trên đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng;

b) Tổng thành, thiết bị, linh kiện nhập khẩu mới lắp trên phương tiện chạy trên đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng;

c) Toa xe đường sắt đô thị nhập khẩu mới; phương tiện chuyên dùng chạy trên đường sắt đô thị nhập khẩu mới, đã qua sử dụng tạm nhập tái xuất.”

2. Hồ sơ đăng ký kiểm tra bao gồm:

a) Giấy đề nghị kiểm tra của đơn vị nhập khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản vẽ tổng thể, tài liệu về đặc tính kỹ thuật;

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa đối với sản phẩm nhập khẩu mới;

d) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất đối với sản phẩm nhập khẩu mới;

đ) Báo cáo kết quả kiểm tra, thử nghiệm phương tiện, tổng thành, thiết bị, linh kiện của nhà sản xuất hoặc tổ chức thử nghiệm đối với sản phẩm nhập khẩu mới.

3. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra theo các nội dung quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;

b) Đối với thiết bị tín hiệu đuôi tàu kiểm tra theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thời điểm kiểm tra:

a) Đối với phương tiện chạy trên đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng nhập khẩu mới, nhập khẩu đã qua sử dụng, toa xe đường sắt đô thị nhập khẩu mới, phương tiện chuyên dùng chạy trên đường sắt đô thị nhập khẩu mới, đã qua sử dụng tạm nhập tái xuất: thời điểm kiểm tra được thực hiện sau khi đơn vị nhập khẩu đã cung cấp đầy đủ hồ sơ và Cơ quan kiểm tra tiếp cận được phương tiện; đơn vị nhập khẩu đảm bảo các điều kiện kiểm tra theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;

b) Đối với tổng thành, thiết bị, linh kiện trên phương tiện đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng: thời điểm kiểm tra được thực hiện trước khi lắp ráp lên phương tiện.

5. Phương thức kiểm tra:

a) Đối với phương tiện, tổng thành, thiết bị: kiểm tra từng sản phẩm;

b) Đối với linh kiện: kiểm tra mẫu điển hình cho từng lô linh kiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan;

c) Đối với toa xe đường sắt đô thị: kiểm tra toa xe ở trạng thái tĩnh và ghép thành đoàn tàu theo cấu hình khai thác vận hành trên đường theo các nội dung và phương pháp quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.”

3. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Kiểm tra hoán cải

1. Quy định về kiểm tra hoán cải

a) Việc kiểm tra hoán cải được thực hiện đối với: đầu máy, toa xe chạy trên đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng và phương tiện chuyên dùng đường sắt có thay đổi kết cấu thép thân xe, tính năng sử dụng và thông số, đặc tính kỹ thuật của hệ thống, tổng thành, thiết bị;

b) Kiểm tra hoán cải không áp dụng đối với phương tiện chỉ thay đổi đối với thiết bị tín hiệu đuôi tàu và toa xe đường sắt đô thị chạy trên đường sắt đô thị.”

2. Hồ sơ đăng ký kiểm tra gồm:

a) Giấy đề nghị kiểm tra của cơ sở hoán cải hoặc chủ phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy đăng ký của phương tiện; bản vẽ tổng thể của phương tiện trước và sau hoán cải; tài liệu kỹ thuật (bản vẽ và thuyết minh, tính toán) của tổng thành, thiết bị, hệ thống được hoán cải; bản thuyết minh, tính toán liên quan đến nội dung hoán cải;

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ, chứng chỉ chất lượng và tài liệu kỹ thuật liên quan của tổng thành, thiết bị, linh kiện mới được sử dụng;

d) Kết quả tự kiểm tra của cơ sở hoán cải hoặc chủ phương tiện.

3. Nội dung kiểm tra: kiểm tra theo các nội dung quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và hồ sơ thiết kế.

4. Phương thức kiểm tra: kiểm tra từng phương tiện.”

4. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Kiểm tra định kỳ

1. Việc kiểm tra định kỳ trong quá trình khai thác sử dụng được thực hiện đối với:

a) Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng đường sắt, thiết bị tín hiệu đuôi tàu chạy trên đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng;

b) Toa xe đường sắt đô thị, phương tiện chuyên dùng đường sắt chạy trên đường sắt đô thị.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm tra bao gồm:

a) Giấy đề nghị kiểm tra định kỳ của cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa hoặc chủ phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy đăng ký phương tiện (đối với trường hợp phương tiện sản xuất, lắp ráp mới và phương tiện nhập khẩu kiểm tra định kỳ lần đầu hoặc phương tiện có thay đổi số đăng ký);

c) Tài liệu kỹ thuật của tổng thành, thiết bị, hệ thống được thay thế trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa;

d) Kết quả tự nghiệm thu của cơ sở bảo dưỡng, sửa chữa hoặc chủ phương tiện.

3. Chu kỳ kiểm tra định kỳ:

a) Chu kỳ kiểm tra định kỳ được thực hiện theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với phương tiện đường sắt quốc gia và toa xe đường sắt đô thị, việc kiểm tra được thực hiện cùng thời điểm phương tiện được bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ theo các cấp nhưng không được vượt quá thời hạn theo chu kỳ kiểm tra quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Nội dung kiểm tra:

a) Kiểm tra tính năng an toàn theo quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;

b) Đối với thiết bị tín hiệu đuôi tàu kiểm tra theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Phương thức kiểm tra: kiểm tra từng phương tiện hoặc thiết bị tín hiệu đuôi tàu. Riêng đối với toa xe đường sắt đô thị, kiểm tra toa xe ở trạng thái tĩnh và ghép thành đoàn tàu theo cấu hình khai thác vận hành trên tuyến hoặc đường thử theo các nội dung và phương pháp quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.”

5. Điểm c khoản 4 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Đối với toa xe đường sắt đô thị, kiểm tra toa xe ở trạng thái tĩnh và ghép thành đoàn tàu theo cấu hình khai thác vận hành trên tuyến hoặc đường thử theo các nội dung và phương pháp quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.”

6. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Cấp giấy chứng nhận và tem kiểm định

1. Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 và Điều 8 của Thông tư này, gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ trong vòng một (01) ngày làm việc, riêng đối với toa xe đường sắt đô thị kiểm tra thành phần hồ sơ trong vòng mười (10) ngày làm việc. Nếu thành phần hồ sơ đầy đủ thì Cục Đăng